

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO
Về tình hình xét và công nhận tốt nghiệp đợt 30/09/2024

Căn cứ Quyết định số 712/QĐ-YDHP ngày 15/06/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học năm học 2024 - 2025 ngày 30/09/2024;

Hội đồng xét tốt nghiệp Đại học năm học 2024 – 2025 – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng thông báo tình hình xét và công nhận tốt nghiệp đợt 30/09/2024, cụ thể như sau:

Đợt xét và công nhận tốt nghiệp	Tổng số sinh viên	Số sinh viên đủ điều kiện xét và đề xuất công nhận tốt nghiệp	Số sinh viên đủ điều kiện xét và không đề xuất tốt nghiệp	Số sinh viên không đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp
30/09/2024	84	23	01	60

Các sinh viên chưa đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp đợt 30/09/2024 (danh sách cụ thể kèm theo) chủ động liên hệ với giáo viên chủ nhiệm để sắp xếp kế hoạch học tập, hoàn thiện chương trình đào tạo, các điều kiện xét tốt nghiệp khác (nếu có) trong thời gian tối đa được phép theo Quy định tại khoản 5 Điều 2, Điều 12 theo Quyết định số 712/QĐ-YDHP. Ngoài thời gian trên, sinh viên không đủ điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp bị buộc thôi học và xóa tên.

Trân trọng./.

TL. HIỆU TRƯỞNG
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP



TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
PGS. TS. Nguyễn Thị Thắm

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
ĐỢT 30/09/2024

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBCTL	Xếp loại TN
1	1851010316	Nguyễn Đức	Long	Nam	15/09/2000	YDK.40C	2,10	Trung bình
2	1851010361	Bùi Hiếu	Nghĩa	Nam	17/07/2000	YDK.40G	2,02	Trung bình
3	1855010010	Đoàn Văn	Bắc	Nam	25/01/1999	RHM.K10	2,08	Trung bình
4	1855010027	Hà Hồng	Hùng	Nam	17/02/1999	RHM.K10	2,28	Trung bình
5	1855010042	Phạm Huyền	Lương	Nữ	03/02/1999	RHM.K10	2,53	Khá
6	1855010043	Nguyễn Thanh	Mai	Nữ	10/10/2000	RHM.K10	2,75	Khá
7	1855010051	Nguyễn Mai	Phương	Nữ	20/09/2000	RHM.K10	2,69	Khá
8	1851150035	Đoàn Thành	Lộc	Nam	17/04/2000	YHCT.K4	2,50	Khá
9	1851150055	Vũ Phương	Thảo	Nữ	02/09/2000	YHCT.K4	2,51	Khá
10	1851150040	Trần Hữu	Nghị	Nam	22/09/2000	YHCT.K4	2,25	Trung bình
11	1851150057	Vũ Thị Phương	Thảo	Nữ	06/02/2000	YHCT.K4	2,48	Trung bình
12	1754010002	Nguyễn Kim	Anh	Nữ	24/05/1996	D.K6	2,55	Khá
13	2050000149	Nguyễn Thị	Huê	Nữ	27/01/2002	ĐDCQ.K16A	2.76	Khá
14	2050000141	Đinh Duy	Khánh	Nam	17/2/2002	ĐDCQ.K16D	2.44	Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	TBCTL	Xếp loại TN
15	2031010047	Lê Tuấn	Giáp	Nam	09/12/1985	CT36A	2,52	Khá
16	2031010094	Phạm Nữ	Hoàng	Nam	19/05/1993	CT36B	2,62	Khá
17	2031010057	Phan Đức	Tài	Nam	10/07/1989	CT36A	2,62	Khá
18	2031010023	Ngô Văn	Toàn	Nam	25/08/1989	CT36A	2,08	Trung bình
19	2031010035	Đinh Khắc	Tú	Nam	16/10/1991	CT36B	2,61	Khá
20	1733320003	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	05/10/1985	XNTC.K2	2,49	Trung bình
21	1950000117	Dương Thu	Hiền	Nữ	20/11/2001	ĐDCQ.K15A	2,49	Trung bình
22	1950000045	Nguyễn Ngọc	Thanh	Nữ	20/7/2001	ĐDCQ.K15A	2,67	Khá
23	1752010015	Nguyễn Giang	Hà	Nam	26/02/1999	YHCT.K3	2,01	Trung bình

Tổng: 23 sinh viên

Người lập biểu


Bùi Lê Tuấn

TL. HIỆU TRƯỞNG
UV THƯỜNG TRỰC HĐ XÉT VÀ CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP



TRƯỜNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
PGS. TS. Nguyễn Thị Thắm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
HĐ XÉT TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NĂM HỌC 2024 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỀ XUẤT XÉT VÀ CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP ĐỢT 30/09/2024

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày Sinh	Lớp học	TBCTL
1	1851010581	Dương Tuấn	Vũ	Nam	19/01/1999	YDK.40C	2.62

Tổng: 1 sinh viên

Người lập biểu


Bùi Văn Tuấn

TL. HIỆU TRƯỞNG
UV THƯỜNG TRỰC HĐ XÉT VÀ CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
PGS. TS. Nguyễn Thị Thắm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG
HĐ XÉT TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NĂM HỌC 2024 - 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT VÀ CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP ĐỢT 30/09/2024

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày Sinh	Lớp Học
1	1851010994	DAVONE	BOUAPHAKEO	Nữ	05/05/1997	YDK.40F
2	1851010184	Vũ Trung	Hiếu	Nam	08/11/2000	YDK.40F
3	1851010998	Đỗ Thị	Hoài	Nữ	20/05/1999	YDK.40I
4	1851010271	Lã Văn	Khanh	Nam	16/11/1999	YDK.40G
5	1851010337	Nguyễn Đình Quang	Minh	Nam	30/12/2000	YDK.40F
6	1851010443	Nguyễn Đình	Tâm	Nam	14/03/2000	YDK.40K
7	1851010460	Vũ Tiến	Thành	Nam	26/12/2000	YDK.40F
8	1851010992	SOUMIXAY	VALANNYEU	Nam	03/03/1994	YDK.40F
9	1851100010	Mai Thị Hồng	Hạnh	Nữ	07/09/2000	YDP.K12
10	1751030029	Bùi Thị Thu	Hương	Nữ	22/01/1999	YDP.K12
11	1855010002	Lê Phương	Anh	Nữ	15/12/1999	RHM.K10
12	1855010070	Trần Minh	Trường	Nam	20/05/1999	RHM.K10
13	1855010020	Ngô Thế	Hải	Nam	18/11/2000	RHM.K10
14	1851150028	Mai Thị Thu	Huyền	Nữ	19/08/1993	YHCT.K4
15	1952010120	Manichanh	ALIYA	Nữ	02/03/2000	D.K8.C
16	1952010121	Phommachan	SOUPHAVANH	Nữ	07/07/2000	D.K8.C
17	1952010113	PHẠM ANH	TOÀN	Nam	08/09/2001	D.K8.B
18	1952010099	NGUYỄN VĂN	DŨNG	Nam	14/10/2001	D.K8.B
19	1952010029	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	Nam	07/09/2001	D.K8.A
20	1952010081	ĐỖ ANH	TOÀN	Nam	20/06/2001	D.K8.A
21	2056010021	Mai Trần Khánh	Ly	Nữ	07/06/2002	KTXNYH.K12
22	2050000131	Lại Trần Phương	Anh	Nữ	11/01/2002	ĐDCQ.K16A
23	2050000116	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	29/6/2002	ĐDCQ.K16A



STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày Sinh	Lớp Học
24	2050000162	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	21/10/2002	ĐDCQ.K16D
25	2050000157	Bùi Thu	Phuong	Nữ	17/11/2002	ĐDCQ.K16A
26	2050000132	Hoàng Thị Bích	Phuong	Nữ	30/5/2002	ĐDCQ.K16D
27	2050000174	Cầm Phương	Thảo	Nữ	21/07/2002	ĐDCQ.K16C
28	2050000192	Trịnh Hương Quỳnh	Thu	Nữ	12/09/2002	ĐDCQ.K16A
29	2050000144	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	02/08/2002	ĐDCQ.K16C
30	2242010004	Bùi Thị Thanh	Nhã	Nữ	21/07/2000	LT DƯỠC.CĐ.K3
31	2031010093	Nguyễn Tuấn	Cường	Nam	25/03/1997	CT36A
32	2031010079	Hoàng	Hiệp	Nam	28/09/1994	CT36B
33	2031010039	Trần Trung	Hiếu	Nam	18/02/1995	CT36A
34	2031010075	Trương Minh	Hời	Nam	05/05/1986	CT36B
35	2031010092	Phạm Bá	Quốc	Nam	08/09/1985	CT36B
36	2031010065	Đinh Khắc	Thành	Nam	06/08/1997	CT36A
37	2031010070	Nguyễn Thị	Thâu	Nữ	11/09/1990	CT36A
38	1551010073	Trần Anh	Dũng	Nam	19/11/1996	YDK.37D
39	1551010191	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	02/02/1996	YDK.37D
40	1751010997	XAYAVONG	BOUAVAN	Nữ	14/12/1996	YDK.39B
41	1751010162	Hoàng Minh	Hiếu	Nam	13/10/1998	YDK.39F
42	1751010996	SINGDAVONG	KHAMMON	Nam	22/07/1995	YDK.39B
43	1751010994	PHANDAVONG	KITTA	Nữ	23/02/1998	YDK.39B
44	1751010356	Thắm Kỳ	Phong	Nam	24/02/1998	YDK.39C
45	1751010992	SOUNDACHAN	SOMXAY	Nữ	23/04/1999	YDK.39A
46	1853010065	Mai Thị Hồng	Ngát	Nữ	25/12/2000	CNDD.K14
47	1950000038	LÊ HẢI	ANH	Nữ	02/12/2001	ĐDCQ,K15A
48	1950000122	NGUYỄN MAI	ANH	Nữ	02/09/2001	ĐDCQ,K15A
49	1950000070	NGUYỄN THỊ NGỌC	MINH	Nữ	23/11/2001	ĐDCQ,K15A
50	1950000046	LÊ THỊ NINH	THU	Nữ	09/10/2001	ĐDCQ,K15B
51	1950000090	PHẠM THU	TRANG	Nữ	13/04/2001	ĐDCQ,K15B
52	1950000112	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	29/10/2001	ĐDCQ,K15B

STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên		Giới tính	Ngày Sinh	Lớp Học
53	1733320049	Hoàng Thị	Thủy	Nữ	14/12/1987	XNTC.K2
54	2140000164	Trần Thu	Thủy	Nữ	11/12/1999	ĐDCĐ.K4B
55	2140000178	Nguyễn Anh	Văn	Nam	07/11/1997	ĐDCĐ.K4B
56	1852010084	Bùi Ngọc	Thiên	Nam	03/10/2000	D.K7.B
57	1654010025	ĐỖ THỊ	HẰNG	Nữ	14/09/1998	D.K5
58	1956010034	HỒ THỦY	DƯƠNG	Nữ	07/04/2001	KỸ THUẬT XNYH K11
59	1956010048	TRẦN BÁ	DƯƠNG	Nam	03/01/2001	KỸ THUẬT XNYH K11
60	1956010061	LƯƠNG THỊ MAI	HOA	Nữ	06/11/2001	KỸ THUẬT XNYH K11

Tổng: 60 sinh viên

Người lập biểu

Bùi Lê Tuấn

TL. HIỆU TRƯỞNG
UV THƯỜNG TRỰC HĐ XÉT VÀ CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP



TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
PGS. TS. Nguyễn Thị Thắm

